

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THỊ KIỀU ANH

*So sánh pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
của Việt Nam và một số nước trên thế giới:
Bài học kinh nghiệm và hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam*

*Chuyên ngành: Luật quốc tế
Mã số: 60 38 01 08*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Vũ Đức Long

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa
Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM	4
1.1 Khái niệm nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.....	4
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển các chế định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.....	6
1.2.1 Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1959.....	6
1.2.2 Giai đoạn từ năm 1959 đến năm 1986.....	7
1.2.3 Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 2000.....	7
1.2.4 Giai đoạn từ năm 2000 đến nay.....	11
1.3 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.....	15
1.3.1 Tầm quan trọng và bối cảnh ra đời.....	15
1.3.2 Nội dung Luật Nuôi con nuôi 2010.....	16
1.3.3 Các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật Nuôi con nuôi 2010.....	17
1.3.4 Các quy định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.....	17
1.3.5 Tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.....	23
CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ NUÔI CON NUÔI CỦA VIỆT NAM	29
2.1 Các Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý.....	29
2.2 Các Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam và các nước.....	33
2.3 Tình hình ký kết và thực hiện Công ước Lahay 1993.....	38
CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI, SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM	47
3.1 Pháp luật của một số nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.....	47
3.1.1 Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Trung Quốc.....	48
3.1.2 Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Ấn Độ.....	54
3.1.3 Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Guatemala.....	59
3.1.4 Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Nêpan.....	64
3.2 So sánh pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài với các nước trên.....	67
CHƯƠNG 4: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI	85
4.1 Bài học kinh nghiệm thực tiễn cho Việt Nam	85
4.2 Các cơ chế hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.....	88
Kết luận.....	93
Tài liệu tham khảo	
Phụ lục	

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nuôi con nuôi mang tính nhân đạo sâu sắc trong mối quan hệ giữa con người với con người. Đây chính là giải pháp “nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi.

Việc nghiên cứu và so sánh pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam với pháp luật của một số nước trên thế giới trong bối cảnh hiện nay giúp chúng ta có cái nhìn khách quan, tổng thể và toàn diện hơn về pháp luật của Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam đã được nhiều nhà khoa học pháp lý nghiên cứu và bình luận. Tuy nhiên việc so sánh pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam và một số nước trên thế giới chưa được đề cập nhiều, chính vì vậy việc chọn đề tài này nhằm tìm hiểu một cách tổng thể pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của một số nước trên thế giới để tìm ra những nội dung tương đồng cũng như sự khác biệt trong pháp luật của các nước để chúng ta có cái nhìn khách quan, toàn diện hơn với các chế định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Việc nghiên cứu đề tài nhằm làm sáng tỏ các vấn đề sau:

- Tổng quan về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam theo Luật Nuôi con nuôi 2010.
- Tổng quan về pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của một số nước trên thế giới như: Trung Quốc, Ấn Độ, Guatemala, Nepal.
- So sánh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam và các nước trên nhằm tìm ra sự giống và khác nhau.
- Tình hình việc ký kết các Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi của các quốc gia trên với Việt Nam cũng như việc thực thi Công ước Lahay số 33 năm
- Rút ra những vấn đề cần học hỏi và việc hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4. Tính mới và đóng góp của luận văn

Luận văn đã so sánh sự giống và khác nhau giữa Luật Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam và một số nước trên thế giới. Từ đó phân tích được những điểm tiến bộ và hạn chế của pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện các cơ chế nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong thời gian tới tại Việt Nam.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Dựa trên việc nghiên cứu phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Các vấn đề mang tính khoa học về pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết.

6. Kết cấu của luận văn

Luận văn bao gồm: Phần mở đầu, nội dung, kết luận, các phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo. Phần nội dung bao gồm 4 chương, như sau:

- **Chương 1:** Tổng quan về pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam
- **Chương 2:** Tình hình ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về nuôi con nuôi của Việt Nam
- **Chương 3:** Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của một số nước trên thế giới, so sánh với pháp luật Việt Nam
- **Chương 4:** Bài học kinh nghiệm và hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
- **Kết luận**

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

1.1. Khái niệm nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài thường trú tại Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển các chế định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

Xem xét về các văn bản pháp luật điều chỉnh mối quan hệ này kể từ năm 1945 khi nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam ra đời, ta thấy quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài mới được đề cập đến trong khoảng từ năm 1994, chủ yếu tập trung trong khoảng 10 năm gần đây, cụ thể các giai đoạn như sau:

1.2.1 Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1959

Luật HNGĐ 1959 được Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 29/12/1959, đây là văn bản pháp lý đầu tiên đặt nền tảng cho các quan hệ hôn nhân tiến bộ.

Các quan hệ về nuôi con nuôi mới chỉ được qui định tại điều 9, 18 và điều 24 của luật HNGĐ 1959 một cách sơ lược, mang tính nguyên tắc. Riêng quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài hoàn toàn chưa được đề cập đến.

1.2.2. Giai đoạn 1959 đến năm 1986

Giai đoạn này Việt Nam đi qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ giải phóng đất nước. Xã hội đã phát triển qua một giai đoạn mới, nhất là giai đoạn từ 1975 đến 1986, đất nước bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển, các quan hệ về hôn nhân gia đình cũng có những bước phát triển mới vì vậy Luật HNGĐ năm 1959 đã không còn đáp ứng được thực tế về các quan hệ hôn nhân lúc bấy giờ. Chính vì thế Luật HNGĐ năm 1986 (được Quốc hội thông qua ngày 29/12/1986) ra đời thay thế Luật HNGĐ năm 1959. Luật HNGĐ năm 1986 đã có một bước phát triển mới là dành hẳn một chương (chương VI- Nuôi con nuôi). Tuy vậy, giai đoạn này quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài cũng như việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài chưa được đề cập đến một cách cụ thể trong Luật HNGĐ 1986 mặc dù các quan hệ này đã bắt đầu xuất hiện và tồn tại. Cơ quan chịu trách nhiệm về vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài lúc bấy giờ do Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đảm trách.

1.2.3. Giai đoạn 1986 đến năm 2000

Đây là thời kỳ Việt Nam đổi mới, xã hội đã có những biến chuyển sâu sắc. Xu hướng hội nhập, quốc tế hóa, toàn cầu hóa phát sinh nhiều quan hệ xã hội cần có sự điều chỉnh bằng pháp luật. Trong đó quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phát sinh đã gặp rất nhiều bất cập do Việt Nam trong một thời gian dài không có khung pháp lý qui định về vấn đề này. Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1999 Việt Nam chưa tham gia bất kỳ điều ước quốc tế nào trong lĩnh vực nuôi con nuôi chính vì thế Việt Nam chưa có cơ sở pháp lý mang tính quốc tế nào để điều chỉnh hoạt động nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, điều này mang đến hậu quả pháp lý là các đối tượng trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài không được bảo vệ.

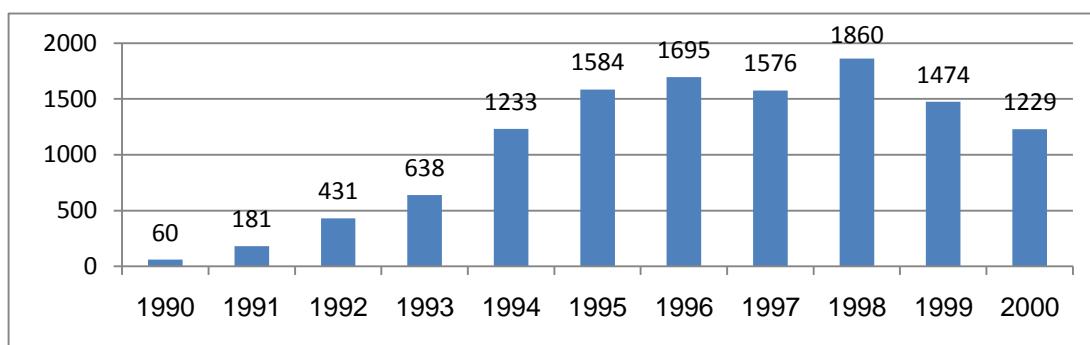
Chính vì thực tiễn đó, ngày 02/4/1992 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định tạm thời số 145/HĐBT qui định tạm thời về việc cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, bao gồm trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi, tàn tật ở các cơ sở nuôi dưỡng do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quản lý.

Tiếp sau đó, ngày 30/11/1994 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 184/CP qui định chi tiết một số điều của Pháp lệnh hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài. Qui định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài. Nghị định này đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Năm 1995, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã ban hành Thông tư liên bộ số 503/TT-LB ngày 25/5/1995 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định 184/CP của Chính phủ để cùng phối hợp giải quyết các quan hệ phát sinh liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Tiếp theo đó, Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 hướng dẫn áp dụng một số qui định của Luật HNGĐ năm 1986 nhằm giải thích việc áp dụng thống nhất chế độ pháp lý của con nuôi như con đẻ, có quyền pháp lý như nhau liên quan đến thừa kế tài sản. Để minh họa về tình hình thực tế số lượng trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận nuôi trong giai đoạn này. Chúng ta cùng tham khảo số liệu sau:

Biểu đồ 1.1 - Số liệu trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận nuôi từ 1990-2000 [1]



1.2.4. Giai đoạn từ năm 2000 đến nay

Sau khi có các văn bản pháp luật như đã nêu ở trên, trong quá trình thực hiện cũng phát sinh một số bất cập do các văn bản trên chưa phải là một hệ thống có tính thống nhất cao mà vẫn mang tính chất manh mún điều chỉnh theo hướng thụ động chạy theo các quan hệ đã phát sinh mà chưa có tính chủ động. Chính vì thế khi có bất kỳ vấn đề gì phát sinh thì chúng ta lại rơi vào thế lúng túng không có định hướng cụ thể để giải quyết một cách thống nhất và tận gốc vấn đề. Việc ban hành các văn bản chưa thống nhất và cũng chưa có một cơ quan đầu mối thống nhất để giải quyết vấn đề nuôi con nuôi. Còn các tồn tại như sau:

- Tình trạng môi giới trẻ em cho người nước ngoài, tạo dư luận xã hội không tốt đối với vấn đề cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài.

- Nhiều tổ chức phi chính phủ lợi dụng chính sách nhân đạo của Việt Nam để thực hiện môi giới con nuôi nhằm trục lợi.

- Việc thu phí và lệ phí giữa các địa phương không thống nhất, nhiều nơi tự đặt ra các loại phí và lệ phí yêu cầu người nước ngoài có nhu cầu xin con nuôi Việt Nam phải nộp.

- Quy trình, thủ tục nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cũng chưa minh bạch, rõ ràng càng làm khó cho những người xin con nuôi.

- Các qui định hiện hành không còn phù hợp với thông lệ chung của các nước trên thế giới cũng như Công ước La hay 1993 về quyền trẻ em.

Chính vì các vấn đề tồn tại nêu trên đặt ra cho chúng ta phải nhanh chóng hoàn thiện các chế định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Ngày 9/6/2000 Quốc hội khóa 10 kỳ họp thứ 7 thông qua Luật HNGĐ năm 2000 có hiệu lực từ ngày 01/01/2001 thay thế Luật HNGĐ năm 1986. Chế định nuôi con nuôi được qui định tại chương 8 với 12 điều (từ điều 67 đến điều 78) và tại chương 1 điều 105 về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Sau khi Quốc hội thông qua Luật HNGĐ năm 2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật HNGĐ năm 2000 về quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài (gọi tắt là Nghị định 68/CP), trong đó có những thay đổi căn bản về nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết cho người nước ngoài nhận trẻ em làm con nuôi.

Năm 2002 thành lập **Cục Con nuôi quốc tế** trực thuộc Bộ Tư pháp. Năm 2008 chuyển thành **Cục con nuôi** quản lý cả quan hệ nuôi con nuôi trong nước.

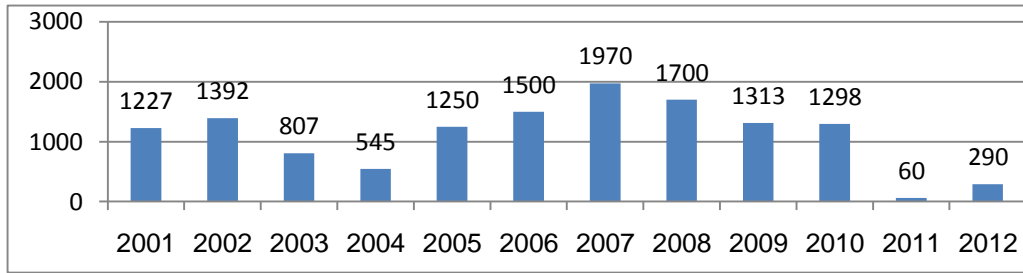
Sau bốn năm thực hiện Nghị định 68/NĐ-CP đã gặp phải một số bất cập, chính vì vậy ngày 21/7/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2006/NĐ-CP bổ sung một số điều của Nghị định 68/2002/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật HNGĐ về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Tiếp theo để cụ thể hóa hơn nữa việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, ngày 8/12/2006 Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2006 hướng dẫn thực hiện một số qui định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Ngày 30/11/2006 Bộ Tư pháp tiếp tục ban hành Quyết định số 09/2006/QĐBTP về Qui chế quản lý văn phòng nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Như vậy đến thời điểm trước năm 2010, lịch sử hình thành các chế định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam lần đầu tiên được đề cập đến vào năm 1992 và trong khoảng 10 năm gần đây chế định về con nuôi có yếu tố nước ngoài mới chính thức có các văn bản pháp luật điều chỉnh.

Căn cứ thực tế khách quan và sự cần thiết phải có một đạo luật độc lập điều chỉnh quan hệ mang tính nhân đạo này, sau nhiều năm chuẩn bị, ngày 17 tháng 6 năm 2010 Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật Nuôi con nuôi. Đây chính là dấu mốc quan trọng đặt nền tảng cho các chế định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam thống nhất trong một đạo luật, mở ra một thời kỳ mới cho các quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Giai đoạn này cũng là giai đoạn số lượng trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận nuôi tiếp tục tăng so với giai đoạn trước. Tuy nhiên khi có Luật Nuôi con nuôi 2010 số lượng trẻ giảm hẳn do qui trình cho con nuôi trong thời kỳ quá độ chuyển sang một qui trình mới. Tham khảo số liệu trẻ em được người nước ngoài nhận nuôi trong giai đoạn để thấy rõ nội dung trên:

Biểu đồ 1.2 - Số liệu trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận nuôi từ năm 2001 đến năm 2012 [2]



Sau hơn một năm Luật Nuôi con nuôi đi vào thực tế, Việt Nam tiếp tục ký kết Công ước La Hay 1993 ngày 18/7/2011 và có hiệu lực từ ngày 01/02/2012. Việc ký kết công ước này thể hiện quyết tâm cao của Việt Nam về việc bảo vệ quyền, lợi ích cho trẻ em.

1.3. Luật Nuôi con nuôi năm 2010

1.3.1. Tầm quan trọng và bối cảnh ra đời

Luật Nuôi con nuôi năm 2010 được Quốc hội khoá XII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/6/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011 là một bước tiến quan trọng trong việc tạo ra hành lang pháp lý, điều chỉnh các vấn đề về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng trong một đạo luật.

Nội dung Luật Nuôi con nuôi 2010

Luật Nuôi con nuôi 2010 bao gồm 5 chương 52 điều qui định chi tiết về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng. Cụ thể như sau:

Chương 1: Những qui định chung (gồm 13 điều từ điều 1 đến điều 13).

Bao gồm những nguyên tắc chung nhất về các vấn đề cho con nuôi (cả con nuôi trong nước và con nuôi nước ngoài)

Chương 2: Nuôi con nuôi trong nước (gồm 14 điều từ điều 14 đến điều 27)

Chương 3: Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (gồm 16 điều từ điều 28 đến điều 43)

Chương 4: Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về nuôi con nuôi (gồm 6 điều từ điều 44 đến điều 49)

Chương 5: Điều khoản thi hành (gồm 3 điều từ điều 50 đến điều 52)

Qui định về điều khoản chuyển tiếp trong việc làm thủ tục nuôi con nuôi; bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung một số điều Luật HNGĐ 2000.

1.3.2. Các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật Nuôi con nuôi năm 2010

+ **Nghị định số 19/2011/NĐ-CP**: Do Chính phủ ban hành ngày 21/3/2011(có hiệu lực từ 8/5/2011) qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi, điều chỉnh 2 vấn: tiếp nhận, quản lý, sử dụng hỗ trợ nhân đạo để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Hướng dẫn thi hành một số vấn đề về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện).

+ **Thông tư số 12/2011/TT-BTP**: do Bộ Tư pháp ban hành ngày 21/11/2011(có hiệu lực từ 15/8/2011) hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

+ **Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP:** giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp ban hành ngày 7/9/2012 (có hiệu lực từ 25/10/2012). Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí liên quan đến nuôi con nuôi. Quy định tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, việc tham gia thực hiện thủ tục giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài của tổ chức con nuôi nước ngoài.

1.3.4. Các qui định về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

1.3.4.1 Các nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi nói chung

- Nguyên tắc tìm gia đình tại nước gốc cho trẻ: được qui định tại Điều 4;
- Nguyên tắc ưu tiên lựa chọn gia đình thay thế cho trẻ: được qui định tại Điều 5,
- Nguyên tắc trẻ có quyền được tìm hiểu và biết về nguồn gốc của mình sau khi được cho làm con nuôi: Được qui định tại Điều 11 như sau:

1.3.4.2 Các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Tại Điều 28 qui định ba trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài như sau:

1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của Điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

2. Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

3. Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt Nam.

Ngoài ra Điều 28 cũng qui định các trường hợp được nhận con nuôi đích danh đối với quan hệ con nuôi có yếu tố nước ngoài

1.3.4.3. Điều kiện nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

a. Điều kiện về độ tuổi đối với trẻ được nhận làm con nuôi

Về độ tuổi của trẻ được nhận làm con nuôi được qui định tại Điều 8:

1. Trẻ em dưới 16 tuổi

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Được cha dưỡng, mẹ kế nhận làm con nuôi;

b) Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.

b. Tình trạng của trẻ: Trẻ em đang sinh sống tại cơ sở nuôi dưỡng được thành lập hợp pháp ở Việt Nam hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ.

c. Điều kiện đối với người nước ngoài nhận trẻ em làm con nuôi

Vấn đề này được qui định tại Điều 29 và Điều 14

d. Trường hợp khác: Trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con nuôi của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng qui định tại điểm b và c khoản 1 Điều 14.

1.3.4.4. Hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu

Điều 30 qui định: Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ của người nhận con nuôi, hồ sơ của tổ chức con nuôi nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

1.3.4.5. Thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi

Tại khoản 2, 3 Điều 9 qui định:

- UNNB tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài đăng ký việc con nuôi của công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài.

1.3.4.6. Thẩm quyền giải quyết yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

Trường hợp này được quy định tại Điều 10: Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi.

1.3.4.7. Tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được quy định tại Điều 43 với các nội dung: *Quy định điều kiện hoạt động, quyền và nghĩa vụ ở Việt Nam; trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động; Quy định khác của Chính phủ Việt Nam.*

Hiện nay có 25 văn phòng con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, **(tham khảo Phụ lục 1.1).**

1.3.5. Tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

Ngay sau khi Luật Nuôi con nuôi 2010 có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã tổ chức tập huấn tại 3 miền Bắc, Trung, Nam cho tất cả các đối tượng có liên quan nhất là lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Một trong những cải cách căn bản trong quá trình thực hiện Luật Con nuôi 2010 là minh bạch hóa tối đa các trình tự, thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Một vấn đề được Cục Con nuôi đặc biệt quan tâm đó là tập trung tìm kiếm gia đình thay thế cho những trẻ em khuyết tật, bệnh tật vốn là đối tượng ít có cơ hội được nhận nuôi nhưng lại rất cần có sự quan tâm, chăm sóc y tế đặc biệt, kịp thời để tăng cơ hội tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em. Xuất phát từ chủ trương đó, Cục Con nuôi đã chủ động triển khai Chương trình thí điểm giải quyết nuôi con nuôi đối với trẻ khuyết tật, bệnh tật tại 4 địa bàn điểm là thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Cho đến hết tháng 2/2012, đã có 40 trẻ em trong chương trình được nhận làm con nuôi của các gia đình người nước ngoài, trong đó có những cháu mang bệnh tật hiểm nghèo phải điều trị suốt đời như các bệnh về máu, HIV, mù lòa, thiếu năng; còn 22 cháu đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục; danh sách trẻ có nhu cầu đặc biệt hiện Cục Con nuôi đang nắm giữ là 95 cháu và Cục Con nuôi đang tiếp tục tìm kiếm gia đình nhận nuôi. Hiện nay, Cục Con nuôi đã tập hợp danh sách 250 gia đình người nước ngoài sẵn sàng nhận trẻ em có nhu cầu đặc biệt làm con nuôi.

Như vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi, Cục Con nuôi nhận thấy sự thay đổi căn bản là không còn tình trạng móc ngoặc giữa một số tổ chức con nuôi nước ngoài và các cơ sở nuôi dưỡng để tạo nguồn trẻ em bị bỏ rơi – một cách không bình thường để cho làm con nuôi nước ngoài. Tuy nhiên, trong đó Hoa Kỳ kể từ khi chấm dứt Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam vào năm 2008 thì vẫn theo đuổi chính sách hai mặt với Việt Nam về lĩnh vực này, cụ thể là nhiều nước thành viên Công ước Lahay 1993 đang đề nghị hợp tác với Việt Nam kể từ khi Công ước có hiệu lực tại Việt Nam, trong khi đó thì Hoa Kỳ còn đang xem xét 3 tháng một lần cho dù rất muốn nối lại hợp tác với Việt Nam.

Ngay trong năm đầu tiên thi hành Luật Nuôi con nuôi (2011), Cục Con nuôi đã tổ chức 8 Đoàn công tác xuống các địa phương, cụ thể là 11 tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hướng dẫn địa phương thực

hiện Luật nuôi con nuôi, đặc biệt nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Ngoài ra, trong quá trình Đoàn công tác xuống địa phương đã gặp gỡ, trao đổi với cán bộ địa phương để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc chuyển tiếp từ luật cũ sang luật mới.

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ NUÔI CON NUÔI CỦA VIỆT NAM

2.1. Các Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý

Các Hiệp định này có nội dung cơ bản giống nhau, điều chỉnh một cách tổng thể hai mảng quan hệ đó là tương trợ tư pháp giữa các cơ quan tư pháp các nước ký kết, và các quy tắc chọn pháp luật áp dụng giải quyết xung đột luật cũng như quy tắc xác định thẩm quyền của cơ quan tư pháp trong vấn đề dân sự, lao động, hôn nhân gia đình.

Chế định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là một chế định nằm trong khuôn khổ điều chỉnh mang tính dân sự và thường được đề cập trong phạm vi hôn nhân gia đình. Vì vậy, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài chỉ là một mảng nhỏ nằm trong sự điều chỉnh của các Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý được ký kết giữa Việt Nam và các nước.

Quan hệ về nuôi con nuôi sẽ được hưởng đầy đủ các quyền lợi pháp lý theo như Hiệp định đã ký kết giữa Việt Nam và các nước:

1. Chế độ bảo hộ pháp lý về quyền nhân thân và tài sản đối với công dân;
2. Được miễn thị thực giấy tờ;
3. Miễn chi phí trong việc tương trợ tư pháp;
4. Miễn cước án phí và ưu đãi trong tố tụng;

Việt Nam ký Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự, gia đình đầu tiên vào năm 1981 với Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết. Từ đó đến nay Việt Nam đã ký tổng cộng 18 Hiệp định tương trợ tư pháp và 1 Nghị định thư có liên quan các vấn đề dân sự và gia đình (**tham khảo Phụ lục 2.1**).

2.2. Các Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam và các nước

Kể từ năm 2000 đến 2008 Việt Nam đã ký 16 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi với **16** quốc gia và vùng lãnh thổ (**tham khảo Phụ lục 2.2**).

Việc ký kết các Hiệp định trên đã tạo cho trẻ em Việt Nam có nhiều cơ hội được chăm sóc nuôi dạy tốt hơn thông qua việc công dân của các quốc gia này nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. Cũng như tạo ra hành lang pháp lý làm cơ sở đảm bảo mối quan hệ cho việc nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

Nội dung chính của các Hiệp định này bao gồm các vấn đề chủ yếu sau:

2.2.1. Những qui định chung

Trong mỗi Hiệp định có cách đề cập khác nhau về hình thức, nhưng cơ bản nội dung chính đều đề cập đến các vấn đề chung như phạm vi áp dụng, các nguyên tắc nuôi con nuôi và một số nội dung như về miễn hợp pháp hóa giấy tờ, ngôn ngữ sử dụng, việc bảo vệ trẻ em hay các biện pháp phòng ngừa các hành vi bất hợp pháp từ việc nhận nuôi con nuôi.

2.2.2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi và tổ chức được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Thường thì cơ quan Trung ương của các bên là cơ quan thực thi Hiệp định. Cụ thể ở Việt Nam là Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương làm đầu mối giải quyết các vấn đề về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng.

Ngoài ra qui định các tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động: là các tổ chức con nuôi được thành lập hợp pháp và hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi giữa hai nước ký kết Hiệp định.

2.2.3. Luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết nuôi con nuôi

Luật của nước gốc (nước cho con nuôi) được áp dụng đối với các vấn đề như: điều kiện với trẻ em được làm con nuôi, thẩm quyền của tổ chức hoặc cá nhân cho con nuôi, công nhận nuôi con nuôi và hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi; người nhận nuôi con nuôi tuân theo pháp luật của nước tiếp nhận và nước gốc.

Trong các Hiệp định được ký kết giữa Việt Nam và các nước thường áp dụng hình thức và hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi trọn vẹn. Nuôi con nuôi trọn vẹn là quan hệ phát sinh những hệ quả pháp lý sau: phát sinh quan hệ cha mẹ và con, kể cả quan hệ thừa kế giữa cha mẹ nuôi và con nuôi; chấm dứt hoàn toàn mối quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và con đã cho làm con nuôi, kể cả quan hệ thừa kế theo pháp luật; sự đồng ý của cha mẹ đẻ và những người có quyền đồng ý cho trẻ làm con nuôi có giá trị vĩnh viễn không thể hủy bỏ.

2.2.4. Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi

Phần lớn các Hiệp định đều qui định về các nội dung như: hồ sơ xin nhận nuôi con nuôi, trách nhiệm của cơ quan Trung ương nước tiếp nhận, thủ tục gửi hồ sơ của người nhận con nuôi, trách nhiệm của Cơ quan nước gốc, thủ tục giới thiệu trẻ làm con nuôi, thủ tục giao nhận con nuôi và cuối cùng là việc hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi tại nước tiếp nhận.

2.2.5. Nghĩa vụ hợp tác

Phần này có các qui định nhằm xác định nghĩa vụ hợp tác của các bên trong việc bảo vệ trẻ em như trao đổi thông tin về trẻ, hợp tác để cùng thực hiện Hiệp định cũng như thành lập nhóm công tác hỗn hợp gồm các thành viên của các bên để đại diện trong việc xem xét và đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định.

Điều khoản cuối cùng của các Hiệp định qui định về hiệu lực và thời hạn hiệu lực cũng như việc sửa đổi, bổ sung Hiệp định.

2.3. Tình hình ký kết và thực hiện Công ước Lahay 1993

Ngày 18 tháng 7 năm 2011 Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã ký Quyết định số 1103/2001/QĐ-CTN phê chuẩn Công ước Lahay số 33 ngày 29/5/1993 về Bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế. Bộ Tư pháp đã tích cực phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thành các thủ tục đối ngoại và Công ước này chính thức có hiệu lực thi hành tại Việt Nam từ ngày 01 tháng 2 năm 2012.

2.3.1. Nội dung của Công ước Lahay 1993

Công ước Lahay được lập ngày 29 tháng 5 năm 1993 thành một bản duy nhất bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, văn bản đều có giá trị như nhau và được gửi lưu trữ tại cơ quan lưu trữ của Chính phủ Vương quốc Hà Lan.

Công ước hướng đến ba mục tiêu:

- *Bảo đảm việc nuôi con nuôi quốc tế vì lợi ích và tôn trọng quyền trẻ em;*

- Hợp tác ngăn ngừa việc bắt cóc, bán hoặc buôn bán trẻ em;
- Công nhận việc nuôi con nuôi đã tiến hành ở các quốc gia thành viên.

Công ước chỉ áp dụng đối với những trường hợp nuôi con nuôi tạo ra mối quan hệ cha mẹ-con cái lâu dài giữa trẻ em thường trú ở một quốc gia thành viên và người nhận con nuôi thường trú ở Nước thành viên và sau đó trẻ em sẽ di chuyển đến nước thường trú của cha mẹ nuôi.

Công ước Lahay 1993 bao gồm 7 chương với 48 điều qui định về: phạm vi áp dụng; những yêu cầu với việc nuôi con nuôi quốc tế; các cơ quan trung ương và các tổ chức được chỉ định; những yêu cầu về thủ tục đối với việc nuôi con nuôi quốc tế; công nhận và hệ quả của việc nuôi con nuôi; những qui định chung; những điều khoản cuối cùng.

Cho đến năm 2012 có 87 quốc gia, vùng lãnh thổ (**tham khảo tại phần Phụ lục 2.3**) tham gia Công ước Lahay 1993. Hoa kỳ cũng là thành viên của Công ước này tuy nhiên Hoa kỳ có văn bản công bố không nhận con nuôi của 8 nước thành viên là: Campuchia, Cape Verde, Fiji, Guatemala, Kazakhstan, Montemala, Rwanda, Senegal, Swanda, Việt Nam. Trong đó, Hoa Kỳ là quốc gia nhận con nuôi nhiều nhất trên thế giới, việc đưa ra số liệu trẻ em Việt Nam được Hoa Kỳ nhận nuôi sẽ cho chúng ta cái nhìn tổng thể hơn về tình hình nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam và các nước. Tham khảo số liệu tại bảng sau:

CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI, SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Việc so sánh pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam và một số nước trên thế giới giúp chúng ta tìm hiểu và tiếp cận được cách các nước với cùng quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì mỗi nước sẽ có các chế định khác nhau về mối quan hệ này như thế nào.

3.1. Pháp luật của một số nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của một số nước trên thế giới được chia thành hai nhóm chủ yếu:

- *Nhóm 1*: Bao gồm các nước đang phát triển hoặc kém phát triển hoặc các nước có những đặc điểm lịch sử đặc biệt như chiến tranh, thiên tai, bão lụt, nội chiến... thường là các nước cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài (như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Guatemala....)

- *Nhóm 2*: Bao gồm các nước phát triển, có nền kinh tế và giáo dục ở mức cao. Các nước này thường có công dân nhận trẻ em nước ngoài về làm con nuôi (như Pháp, Mỹ, Thụy Điển, Canada, Úc, Anh, Nhật Bản...)

Trong luận văn này tác giả chỉ đề cập đến pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của các nước cho trẻ em nước mình làm con nuôi nước khác như: **Trung Quốc, Ấn Độ, Guatemala, Nepal** để so sánh với pháp luật của Việt Nam về lĩnh vực con nuôi quốc tế. Do các nước này, đều có chung một số yếu tố lịch sử và đều là các nước chủ yếu cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.

3.1.1. Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Trung Quốc

a. Tình hình xã hội và việc cho con nuôi có yếu tố nước ngoài của Trung Quốc

Trung Quốc là quốc gia đa dân tộc với 56 dân tộc được chính thức công nhận. Trung Quốc là nước có dân số lớn nhất thế giới khoảng 1,3 tỉ người, dân tộc chủ yếu là người Hán chiếm tới 93% số dân cả nước và là dân tộc chính trên một nửa diện tích Trung Quốc.

Là một nước đông dân, chính phủ có chính sách hạn chế phát triển dân số, chính sách này yêu cầu các gia đình ở các vùng đô thị (ngoại trừ các dân tộc "thiểu số" như Tây Tạng) chỉ nên có một con còn các hộ gia đình ở các vùng nông thôn có thể có hai con nếu con đầu là gái. Do ở các vùng nông thôn, người con trai được coi có lợi về mặt kinh tế hơn cộng với yếu tố văn hóa, tâm lý truyền thống của người Trung Quốc là chuông con trai hơn, do vậy có vẻ như tỷ lệ phá thai chọn giới tính và vứt bỏ trẻ sơ sinh khá cao ở những vùng nông thôn. Đặc biệt chính sách này chỉ áp dụng đối với người Hán. Kết quả là năm 2000 tỷ lệ giới tính của trẻ sơ sinh tại Trung Quốc là 177 bé trai so với 100 bé gái, cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ tự nhiên (106 trên 100). Sự bất cân đối trong tỷ lệ giới tính khiến cho khoảng 30-40 triệu đàn ông Trung Quốc không thể lấy được vợ Trung Quốc.

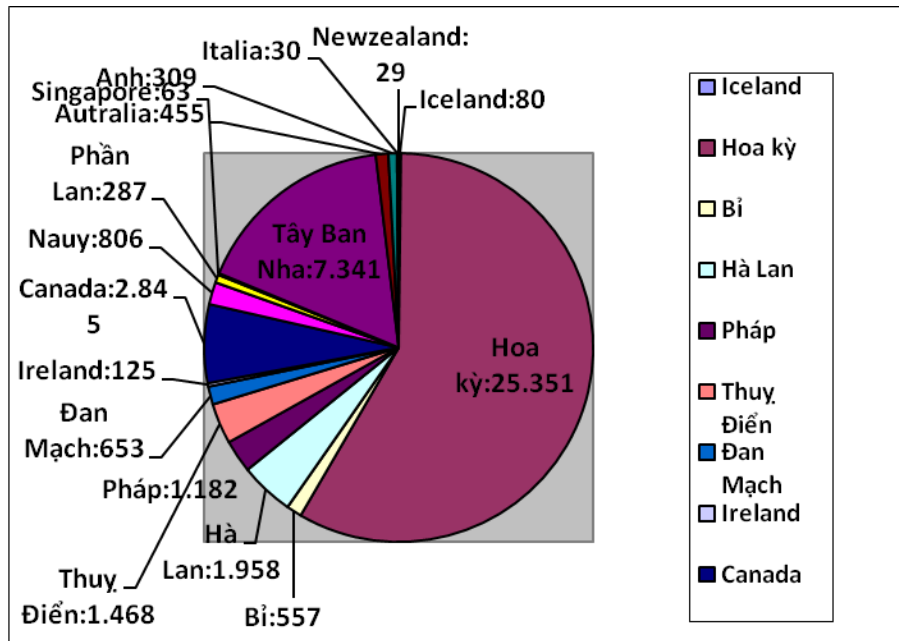
*Và ngày càng có nhiều viện cô nhi nuôi trẻ em bị bỏ rơi, và khoảng 98% những trẻ em này không có ai nhận làm con nuôi mà sống hẳn trong các viện này cho đến lúc trưởng thành. Trước tình hình đó, **Trung Quốc đã mở một chương trình cho con nuôi quốc tế nhưng hiện cũng chỉ đáp ứng được một tỷ lệ nhỏ những trẻ em này.***

b. Công ước Lahay 1993

Trung Quốc đã phê chuẩn Công ước Lahay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế ngày 16 tháng 9 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Tham khảo số liệu trẻ em được người nước ngoài nhận nuôi tại bảng sau để thấy rõ hơn tình hình cho nhận con nuôi quốc tế của Trung Quốc

Biểu đồ 3.1: Số lượng trẻ em Trung Quốc phân bổ theo quốc gia nhận nuôi từ 2005-2009 [10,11]



Với số liệu trên thể hiện rõ nét Hoa Kỳ là quốc gia nhận nhiều trẻ em Trung Quốc làm con nuôi nhất trong số các nước có quan hệ nuôi con nuôi với Trung Quốc. Tham khảo thêm số liệu trẻ em Trung Quốc được Hoa Kỳ nhận nuôi qua các năm như sau:

Tham khảo Biểu đồ 3.2: Số liệu trẻ em Trung Quốc làm con nuôi tại Hoa Kỳ từ 1991 đến 2011 [11]

c. Pháp luật trong nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Luật Nuôi con nuôi của Trung Quốc được Ủy ban thường vụ Quốc Hội Trung Quốc thông qua ngày 29/12/1991 có hiệu lực từ ngày 01/4/1992 và được sửa đổi thông qua ngày 4/11/1998, có hiệu lực từ ngày 01/4/1999.

Luật Nuôi con nuôi của Trung Quốc bao gồm 2 phần:

Phần A: Luật nuôi con nuôi trong nước bao gồm 6 chương 34 điều

Nội dung đề cập đến các vấn đề sau: Nguyên tắc, mục đích của việc nuôi con nuôi; Điều kiện cho và nhận con nuôi; Thủ tục cho nhận con nuôi và cơ quan quản lý con nuôi của Trung Quốc; Hệ quả pháp lý việc nuôi con nuôi; Các hành vi bị cấm liên quan đến trẻ em và trong quan hệ nuôi con nuôi; Trách nhiệm pháp lý với các hành vi bị cấm; Các trường hợp thực thi luật này của các vùng tự trị và việc ban hành các biện pháp thực hiện theo qui định của Luật này của Quốc hội.

Đây chính là điều luật chung, làm nền tảng cho việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Trung Quốc. Trên cơ sở điều luật này, Trung Quốc đã ban hành một văn bản pháp luật hướng dẫn chi

tiết, cụ thể về việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại phần B.

Phần B: Các biện pháp đăng ký nuôi con nuôi của người nước ngoài tại nước CHND Trung Hoa bao gồm 16 điều

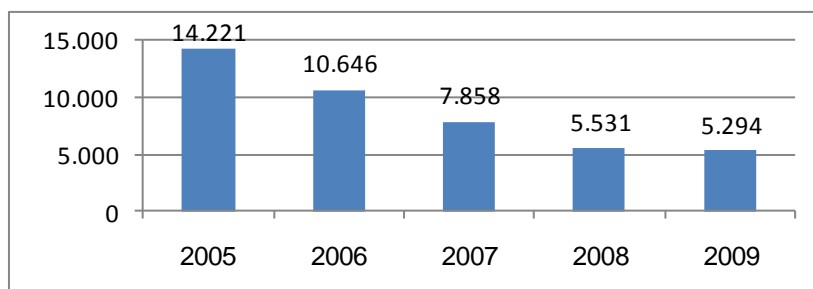
Nghị định số 15 của Bộ Nội vụ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sửa đổi các biện pháp đăng ký nuôi con nuôi của người nước ngoài ở nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được Hội đồng nhà nước thông qua ngày 12/5/1999, nay ban hành thực hiện.

Nghị định này bao gồm 16 điều, qui định các vấn đề về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài như điều kiện để người nước ngoài được nhận con nuôi, cơ quan giải quyết và quản lý con nuôi, trình tự thủ tục đăng ký nhận con nuôi cũng như mức phí phải trả cho cơ quan đăng ký con nuôi.

Để triển khai các biện pháp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của mình, ngày 9/10/2005 Cơ quan con nuôi Trung ương của Trung Quốc (CCAA) ban hành Quy định đối với các tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực con nuôi tại Trung Quốc.

Tham khảo thêm số liệu trẻ em Trung Quốc được người nước ngoài nhận nuôi giai đoạn 2005-2009.

Biểu đồ 3.3: Số liệu trẻ em Trung Quốc được người nước ngoài nhận nuôi từ 2005 -2009 [10, 11]



Như vậy, pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Trung Quốc được qui định khá rõ ràng, cụ thể và đầy đủ trong một phần riêng. Nội dung ngắn gọn, **chủ yếu tập trung vào điều kiện cho nhận con nuôi của trẻ và cha mẹ nuôi không qui định việc phải tìm gia đình thay thế trong nước trước khi cho trẻ làm con nuôi người nước ngoài.**

3.1.2. Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Ấn Độ

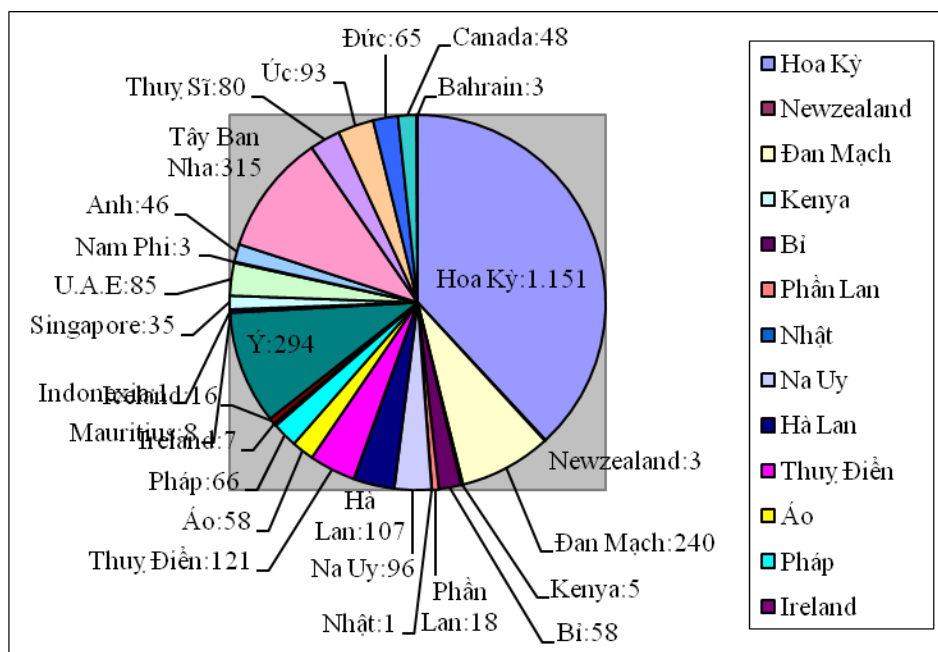
a. Tình hình xã hội và việc cho con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Ấn Độ

Ấn Độ là nước đông dân thứ hai trên thế giới với ước tính khoảng 1,19 tỷ người năm 2006 đại diện cho 1/6 dân số thế giới. Với sự gia tăng dân số của Ấn Độ trong hơn nửa thế kỷ qua, đã có nhiều thách thức đối với nền kinh tế và xã hội. Hầu hết 70% dân số sống tại các vùng nông thôn. Vùng thành thị đông dân nhất là Mumbai, Kolkata, Delhi, Chennai và Bangalore. Tình trạng ngạo thai để lựa chọn giới tính và giết trẻ sơ sinh vẫn tồn tại ở các vùng nông thôn. Tỷ lệ giới tính quốc gia là 933 phụ nữ trên 1.000 nam giới. Tỷ lệ tăng dân số là 22,32 trẻ trên 1.000. Gánh nặng của tình trạng nghèo đói, và bệnh tật, bùng nổ dân số của Ấn Độ, đã tạo ra một cuộc khủng hoảng trẻ mồ côi lớn. Có nhiều lý do tại sao trẻ em không thể sống với gia đình sinh của họ, bao gồm cả HIV/AIDS, trẻ em bị bỏ bê, bỏ rơi, đói nghèo. Đây cũng chính là lý do mà Chính phủ Ấn Độ đưa ra chương trình con nuôi nước ngoài nhằm khắc phục một phần để trẻ mồ côi, bị bỏ rơi có cơ hội được chăm sóc trong môi trường gia đình[12]

b. Công ước Lahay 1993

Ấn Độ phê chuẩn Công ước Lahay 1993 vào 6 tháng 6 năm 2003 và có hiệu lực vào 01 tháng 10 năm 2003. Tham khảo số liệu trẻ Ấn Độ được người nước ngoài nhận nuôi giai đoạn 2001- 2003 như sau:

Biểu đồ 3.4: Số liệu trẻ em Ấn Độ phân bổ theo quốc gia nhận nuôi từ năm 2001-2003 [15,16]



Tham khảo Biểu đồ 3.5: Số liệu trẻ em Ấn Độ được Hoa Kỳ nhận nuôi từ năm 1999 đến 2011 [16]

c. Pháp luật trong nước về nuôi con nuôi quốc tế

Luật Nuôi con nuôi và cấp dưỡng của người Hin-đu được Ấn Độ ban hành năm 1956 gồm 3 chương với 28 điều, sau mỗi điều đều có bình luận và có thể có thêm phần giải thích luật đối với mỗi điều.

Sau đó dựa trên Luật Nuôi con nuôi và cấp dưỡng năm 1956, Ấn Độ đã ban hành hai bộ hướng dẫn riêng cho con nuôi trong nước và con nuôi quốc tế. “Các nguyên tắc thí điểm về việc nhận con nuôi Ấn Độ 1995” vào ngày 21 tháng 5 năm 1995 để hướng dẫn qui trình cho trẻ em Ấn Độ làm con nuôi người nước ngoài. Đến năm 2006, Bộ Công bằng xã hội và Trao quyền đã ban hành bản chính thức “Các nguyên tắc về việc nhận con nuôi Ấn Độ - 2006” thay thế toàn bộ các văn bản và các hướng dẫn về nhận con nuôi của người nước ngoài trước đó. [17]

Bộ “Các nguyên tắc về nhận con nuôi Ấn Độ 2006” bao gồm 10 chương, trong mỗi chương có các đề mục độc lập không liên quan đến thứ tự đề mục của các chương tiếp theo. Cấu trúc như sau :

Bảng chú giải các từ viết tắt có liên quan trong Bộ hướng dẫn.

Chương I : Giới thiệu - bao gồm 7 mục.

Đề cập đến mục đích cho con nuôi quốc tế và đối tượng điều chỉnh cũng như tầm quan trọng của việc tìm gia đình nước ngoài cho trẻ em Ấn Độ.

Chương II : Các cơ quan và tổ chức con nuôi

Trong chương này đề cập đến 7 cơ quan chịu trách nhiệm về con nuôi quốc tế tại Ấn Độ và tổ chức con nuôi nước ngoài gồm: Bộ Công Bằng Xã Hội & Trao quyền; Cơ quan con nuôi Trung ương (CARA); Tổ chức con nuôi nước ngoài (EFAAs); Cơ quan ghép trẻ làm con nuôi quốc tế của Ấn Độ (Ripa); Tổ chức điều phối nuôi con nuôi (ACA); Cơ quan thẩm tra con nuôi (ASA); Các cơ quan ngoại giao

Ấn Độ.

Chương III : Vai trò của chính quyền bang/vùng lãnh thổ.

Qui định vai trò quản lý, giám sát của các cơ quan thuộc chính quyền Bang/vùng lãnh thổ của Ấn Độ trong việc cho con nuôi quốc tế.

Chương IV : Qui trình cho con nuôi quốc tế - bao gồm 5 mục.

Qui định qui trình cho nhận con nuôi quốc tế. Cơ quan ra quyết định cho làm con nuôi (Toà án), cũng như qui định tiêu chuẩn về cha mẹ nuôi.

Chương V. Cơ quan ghép trẻ Ấn Độ được công nhận (RIPA)

Cơ quan ghép trẻ Ấn Độ là tổ chức đã được Chính quyền Bang cấp phép và được CARA công nhận. Không có tổ chức nào được phép ghép trẻ làm con nuôi quốc tế trừ khi đã được Chính quyền Bang cấp phép và được CARA công nhận.

Chương VI : Các tổ chức con nuôi nước ngoài

CARA lựa chọn/cấp phép các tổ chức nước ngoài hoạt động với mục đích nhận con nuôi quốc tế. Các tổ chức này hoạt động hợp pháp và phi lợi nhuận vì quyền, lợi ích tốt nhất cho trẻ làm con nuôi.

Chương VII : Đại sứ quán/Cơ quan đại diện ngoại giao của Ấn Độ

Các Cơ quan ngoại giao của Ấn Độ nằm ở các quốc gia khác nhau sẽ đóng một vai trò quan trọng trong quá trình nhận con nuôi quốc tế của trẻ em Ấn Độ.

Chương VIII : Cơ quan hợp tác về con nuôi (ACA)

Sẽ có một Cơ quan hợp tác về con nuôi (ACA) tại một Bang hoặc trong trường hợp đặc biệt cho một nhóm các tiểu bang, nơi có một số Cơ sở nuôi dưỡng trẻ và các Tổ chức con nuôi để thực hiện các chức năng được quy định theo hướng dẫn và cũng như được chỉ định bởi CARA.

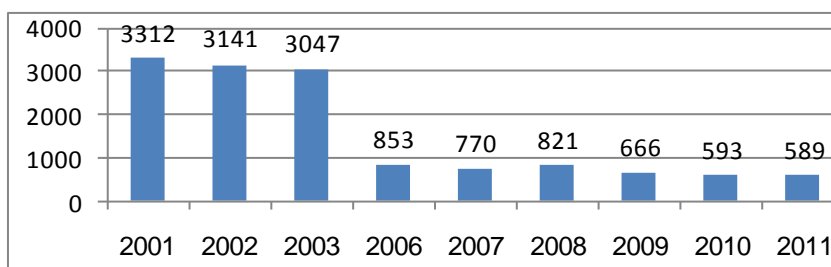
Chương IX : Cơ quan Trung ương nước nhận

Qui định cơ quan con nuôi Trung ương của nước nhận phải có trách nhiệm hỗ trợ việc nhận con nuôi, tuân thủ các qui định của Ấn Độ.

Chương X : Các qui định khác

Như vậy Bộ “Nguyên tắc về việc nhận con nuôi Ấn Độ - 2006” qui định về quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là một bộ nguyên tắc qui định đầy đủ cả về điều kiện cho nhận con nuôi giữa trẻ và cha mẹ nuôi cũng như định nghĩa chi tiết về các tổ chức, cơ quan liên quan đến quản lý và chịu trách nhiệm về cho trẻ em Ấn Độ làm con nuôi người nước ngoài. **Trong đó nhấn mạnh nguyên tắc tìm kiếm gia đình trong nước cho trẻ, trường hợp không tìm được gia đình trong nước mới tìm gia đình nước ngoài cho trẻ.**

Biểu đồ 3.6: Số liệu trẻ em Ấn Độ làm con nuôi người nước ngoài năm 2001-2011 [18]



3.1.3. Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Guatemala

a. Tình hình xã hội và việc cho con nuôi có yếu tố nước ngoài của Guatemala

Guatemala là quốc gia ở Châu Mỹ, quốc gia này có khoảng 75% đến 80% dân số sống trong nghèo khổ, trong đó có rất nhiều người cực kỳ nghèo khổ. Khoảng 21% dân số sống với mức thấp hơn 1 đô la Mỹ/ngày (khoảng 20.000 đồng Việt Nam). Tỷ lệ sinh đẻ ở Guatemala cao nhất Châu Mỹ và tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi cũng cao nhất. Thất học ngày càng lan rộng do chi phí giáo dục quá đắt đỏ. Nước sạch cũng là giấc mơ của nhiều người. Các dịch bệnh bình thường cũng giết chết nhiều trẻ sơ sinh và trẻ em do thiếu chăm sóc y tế. Với việc cho con nuôi, nhiều bà mẹ có thể mang giấc mơ đến cho con mình. Họ có thể mơ đến cuộc sống tốt đẹp hơn cho con cái mình, một cuộc sống nơi mà con cái họ không bị nguy hiểm bởi nguồn nước, nơi con cái họ có cơ hội về giáo dục, chăm sóc y tế và một môi trường an toàn [19]

Thực tế cho thấy, tình hình con nuôi quốc tế tại Guatemal cũng trải qua các giai đoạn phức tạp, Chính phủ Guatemala đang cố gắng hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật của mình để đáp ứng quan hệ nuôi con nuôi quốc tế.

Nuôi con nuôi quốc tế ở Guatemal đã tăng gấp 4 lần từ năm 1996 đến 2002 (từ 731 trẻ tăng lên 2.992 trẻ). Khi Guatemala phê chuẩn Công ước Lahay 1993 vào tháng 11/2002 để đối phó lại những báo cáo đang lan rộng về nạn tham nhũng và cửa quyền. Tuy nhiên vào cuối năm 2003, việc phê chuẩn Công ước Lahay đã bị phản đối bởi Tòa Hiến pháp Guatemala, và qui trình về nuôi con nuôi bị quay lại như cũ. Năm 2007 việc nuôi con nuôi bị đình trệ lại, khi 5.577 trẻ Guatemala đã được nhận nuôi ở nước ngoài và 4.728 trẻ đang chuẩn bị sang Hoa Kỳ, tiếp theo những sai lầm cho việc phản đối vào năm 2003, hầu hết các nước phát triển đã hạn chế việc nhận con nuôi từ Guatemala. Hệ thống này bị chỉ trích nặng nề do nạn tham nhũng, cửa quyền và thiếu minh bạch. Số lượng lớn trẻ em đã bị mua bán thực sự từ những bà mẹ ở các vùng nông thôn. Người ta cho rằng rất nhiều trẻ em, hơn số lượng 500 vụ bắt cóc trẻ em bị phát hiện có liên quan đến việc sau đó những trẻ này được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Pháp luật nuôi con nuôi được cải cách mạnh mẽ vào cuối năm 2007 để tuân thủ theo Công ước Lahay 1993 và xây dựng một hệ thống mới về con nuôi. Con nuôi quốc tế thực sự tạm dừng vào năm 2008. Hệ thống mới vẫn bị xem là không hoàn thiện và thiếu hiệu quả. Với 153 trường hợp được nghiên cứu vào năm 2010 thì có đến 78% vi phạm pháp luật theo một cách nào đó, với 50% liên quan đến các trẻ em được công bố có thể cho làm con nuôi mà không được điều tra kỹ lưỡng về lai lịch của trẻ hoặc không cố gắng xác định gia đình sinh ra đứa trẻ. Trong khi tại Hoa Kỳ hệ thống con nuôi đang phát triển mạnh mẽ, thì Hoa kỳ bây giờ chỉ thông qua các trường hợp đang làm thủ tục trong giai đoạn chuyển tiếp, mà việc nuôi con nuôi đã được thực hiện trước khi phê chuẩn Công ước Lahay và số lượng con nuôi giảm xuống thấp nhất chỉ còn 32 trẻ trong năm 2011”[20]

b. Công ước Lahay 1993

Guatemala phê chuẩn công ước Lahay 1993 ngày 26/11/2002 và có hiệu lực từ ngày 01/3/2003.

c. Pháp luật của Guatemala về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Luật Nuôi con nuôi được Quốc hội nước Cộng hoà Guatemala ban hành theo Nghị quyết số 77 năm 2007 có hiệu lực từ 31/12/2007, bao gồm 3 phần với 68 điều qui định cho cả con nuôi trong nước và con

nuôi nước ngoài.

Phần I: Bao gồm 3 chương

Qui định mục tiêu, phạm vi thực hiện của Luật cũng như các qui định chung về nuôi con nuôi và đề cập đến điều kiện của chủ thể được nhận làm con nuôi là trẻ em Guatemala và chủ thể nhận con nuôi là cha mẹ nuôi người Guatemala hoặc người nước ngoài.

Phần II: Bao gồm 8 chương

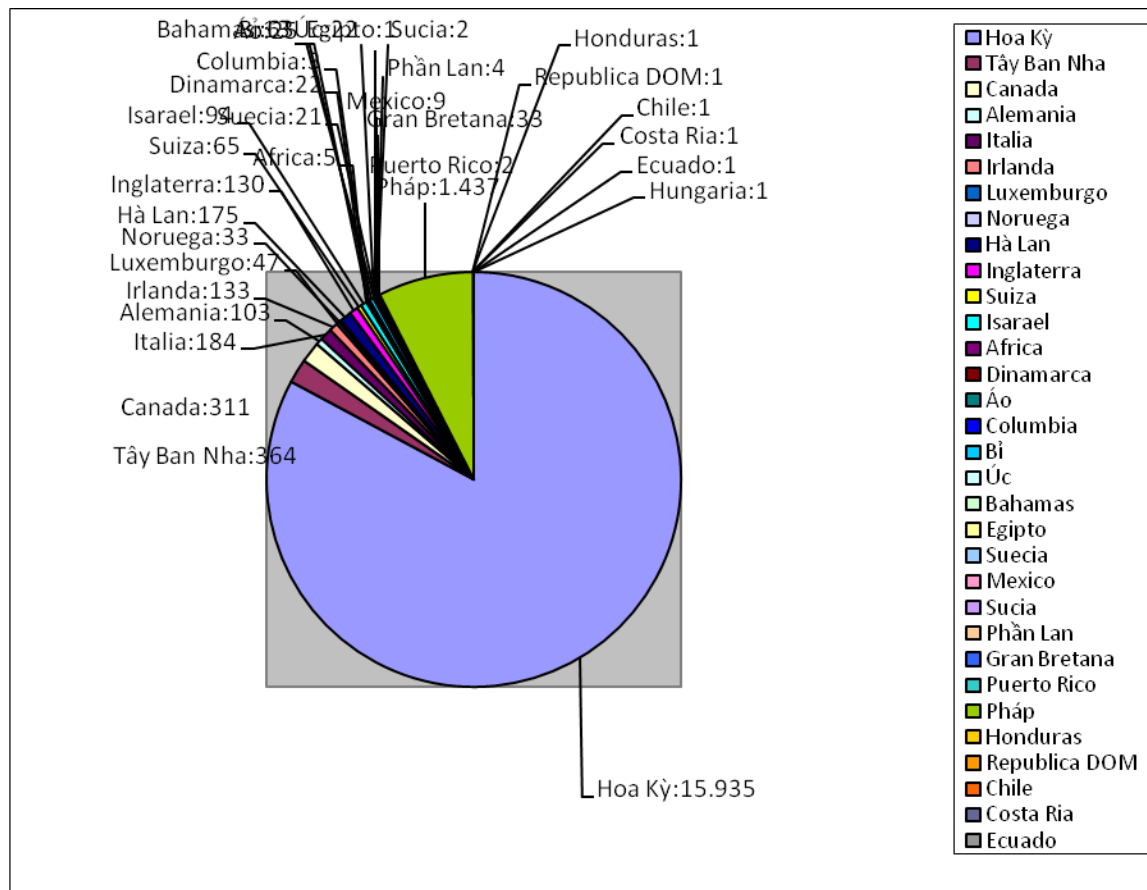
Qui định trình tự, thủ tục cho nhận con nuôi và các cơ quan chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các qui trình này.

Phần III: Các qui định cuối cùng

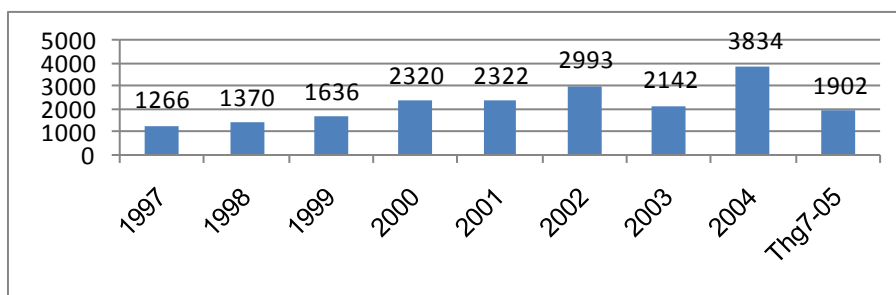
Cơ quan ra phán quyết nuôi con nuôi: Toà án

Như vậy, Luật Nuôi con nuôi của Guatemala cũng qui định con nuôi trong nước luôn được ưu tiên và con nuôi quốc tế là hình thức chỉ được áp dụng sau khi đã chứng minh và đánh giá một cách đầy đủ về khả năng không được cho làm con nuôi trong nước.

Biểu đồ số 3.8: Số liệu trẻ em Guatemala phân bố theo quốc gia nhận nuôi từ năm 1997 - 7/2005[21]



Biểu đồ 3.7 : Số lượng trẻ em Guatemala được người nước ngoài nhận nuôi từ năm 1997 - 7/2005 [21]



Sau năm 2005, Guatemala chưa cập nhật số liệu trẻ em của nước mình lên trang web của HCCH.

Theo biểu đồ trên thì Hoa Kỳ là quốc gia nhận số lượng con nuôi từ Guatemala nhiều nhất trong các nước có quan hệ con nuôi quốc tế với Guatemala vì vậy tác giả đã tìm kiếm và cập nhật thêm số liệu con nuôi mà Hoa Kỳ đã nhận từ Guatemala để có thêm cái nhìn tổng thể hơn về tình hình nuôi con nuôi quốc tế của Guatemala.

Tuy nhiên, thông tin đăng trên CNN World ngày 03/10/2007 Tổng thống Guatemalan – Ông Oscar Berger đã tuyên bố sẽ dừng chương trình cho con nuôi với phía Hoa Kỳ từ 01/01/2008 mà không đưa ra bất kỳ lý do nào.

Tham khảo Biểu đồ số 3.9: Số liệu trẻ em Guatemala được Hoa Kỳ nhận nuôi từ 1999-2011 [22]

Như vậy Luật Nuôi con nuôi của Guatemala qui định chung cho cả con nuôi trong nước và con nuôi quốc tế, trong đó nhấn mạnh ưu tiên tìm gia đình trong nước cho trẻ trước khi tìm gia đình nước ngoài thay thế.

3.1.4. Pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Nê Pan

a. Tình hình xã hội và việc cho con nuôi có yếu tố nước ngoài của Nepal

“Nepal là một đất nước nằm sâu trong nội địa tại vùng núi Himalaya ở Nam Á với diện tích 147.181km², đây là một đất nước có nhiều phong cảnh hùng vĩ và bí ẩn, nền văn hoá đẹp đẽ. Đến tháng 7/2009, Nepal có khoảng 29.331.000 người, trong đó 76% dân số sống bằng nông nghiệp. Đây là một đất nước có nhiều bất ổn về chính trị, do xảy ra các cuộc giao tranh quyền lực và nội chiến. Chính vì những bất ổn về chính trị đã dẫn đến một nền kinh tế phát triển không đồng bộ, cho dù Nepal có tiềm năng rất lớn về du lịch. Tỷ lệ thất nghiệp và không có việc làm chiếm gần một nửa số dân cư trong độ tuổi lao động, tổng số người Nepal làm việc ở nước ngoài khoảng 700.000 người. Tình trạng đói nghèo gay gắt, chính từ tình trạng nghèo đói đã nảy sinh vấn đề nhiều gia đình không có khả năng nuôi dưỡng trẻ, trình trạng trẻ lang thang kiếm sống. Đây là tình trạng nảy sinh vấn đề trẻ mồ côi không người nuôi dưỡng và trại trẻ mồ côi, cô nhi viện chính là nơi nuôi dưỡng những trẻ này theo chính sách của Chính phủ. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước cho các cơ sở nuôi dưỡng trẻ là rất ít chính vì thế cuộc sống của trẻ trong các cơ sở này vô cùng khó khăn. Việc cho trẻ làm con nuôi người nước ngoài chính là một chính sách nhân đạo nhằm tìm kiếm cơ hội để trẻ được sống trong môi trường gia đình thật sự” [23]

b. Công ước Lahay 1993

Hiện nay Nê Pan chưa tham gia Công ước Lahay 1993

c. Pháp luật trong nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Ngày 5/5/2008 Chính phủ Nepal đã ban hành Luật số 12A – Luật Nuôi con nuôi 2008 qui định điều kiện và thủ tục để trẻ em người Nepal làm con nuôi người nước ngoài.

Luật Nuôi con nuôi của Nepal bao gồm 21 điều và 7 chương, Luật này đã chỉ rõ và qui định điều kiện, thủ tục để cho trẻ Nepal làm con nuôi người nước ngoài dưới hình thức nhận trẻ trai và trẻ gái làm con nuôi. Gồm các chương như sau:

Chương I: Giải thích các khái niệm, từ ngữ liên quan đến nuôi con nuôi.

Chương II: Qui định điều kiện trẻ được làm con nuôi.

Chương III: Qui định điều kiện của cha mẹ nuôi.

Chương IV: Qui định danh sách cơ sở nuôi dưỡng, trại trẻ mồ côi hoặc tổ chức trẻ em.

Chương V: Lập danh sách các tổ chức con nuôi nước ngoài

Chương VI: Các khuyến nghị và chấp thuận

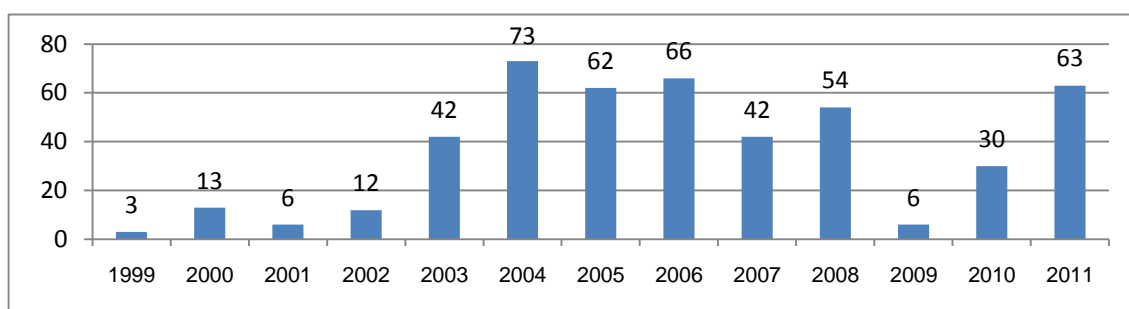
Chương VII: Các qui định khác

Luật Nuôi con nuôi của Nepal không đề cập đến việc ưu tiên tìm gia đình trong nước trước khi tìm gia đình nước ngoài ngoài cho trẻ.

Xét về tổng thể, Luật Nuôi con nuôi của Nepal khá sơ lược, các qui định còn rời rạc tính kết nối chưa cao. Qui trình giải quyết con nuôi mang tính hình thức và khá phức tạp. Trong khi đó cơ quan con nuôi trung ương chưa được đề cập đến một cách rõ ràng. Đây cũng chính là một vấn đề gây khó khăn trong việc hợp tác con nuôi với nước ngoài.

Tham khảo số liệu trẻ em Nepal được công dân Hoa Kỳ nhận nuôi thông qua biểu đồ sau.

Biểu đồ 3.10: Số liệu trẻ em Nepal được công dân Hoa Kỳ nhận nuôi từ 1999 đến 2011 [24]



Ngày 8/6/2010 Hoa Kỳ cũng ra thông báo rằng sẽ xem xét tất cả các trường hợp trẻ mồ côi sẽ được công dân Hoa Kỳ nhận nuôi. Lý do Hoa Kỳ đưa ra rằng nhiều trẻ em Nepal không thuộc trường hợp trẻ mồ côi, xuất sứ của trẻ “mồ côi” không rõ ràng, nhiều hồ sơ bị tẩy xoá. Các quan chức địa phương không hợp tác trong việc điều tra và xác nhận một đứa trẻ có thật sự là trẻ mồ côi hay không. Hoa Kỳ ngừng nhận đứa trẻ nếu xác minh rằng hồ sơ của đứa trẻ chưa đảm bảo điều kiện là trẻ mồ côi và thông tin đưa ra không đáng tin cậy. [25]

3.2. So sánh pháp luật Việt nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài với các nước trên

Việc so sánh pháp luật Việt nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài với các nước **Trung Quốc, Ấn Độ, Guatemala** và **Nepal** tập trung chủ yếu vào các vấn đề mang tính điều kiện hơn là qui trình do cho nhận con nuôi. Vì qui trình cho nhận này phụ thuộc vào hệ thống cơ quan hành chính của mỗi quốc gia. So sánh các nội dung sau

3.2.1. Thời điểm tham gia Công ước Lahay 1993 của các nước

3.2.2. Thời điểm ra đời, phạm vi và đối tượng áp dụng của Luật Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của các nước

- 3.2.3. Về nguyên tắc cho con nuôi
- 3.2.4. Nguyên tắc cho nhận con nuôi đích danh của người nước ngoài
- 3.2.5. Điều kiện và tình trạng của trẻ em làm con nuôi người nước ngoài
- 3.2.6. Điều kiện về tuổi và tình trạng của cha mẹ nuôi
- 3.2.7. Tình trạng nhân thân của cha mẹ nuôi
- 3.2.7. Cơ quan con nuôi Trung ương của các nước
- 3.2.8. Cơ quan ra quyết định về nuôi con nuôi
- 3.2.9. Cá nhân và tổ chức có quyền giao trẻ
- 3.2.10. Tổ chức con nuôi quốc tế
- 3.2.11. Mức hỗ trợ khi nhận con nuôi
- 3.2.12. Xem xét số liệu trẻ em được cho làm con nuôi quốc tế của các nước

CHƯƠNG 4: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

4.1. Bài học kinh nghiệm thực tiễn cho Việt Nam

Thông qua việc nghiên cứu, so sánh pháp luật nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam với các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Guatemala và Nepal nổi lên một số vấn đề mà Việt Nam cần quan tâm cũng như xem xét tính phù hợp trong hoàn cảnh cụ thể của mình như sau:

- 4.1.1. Tăng cường hợp tác cả chiều sâu và chiều rộng với các nước có nhu cầu cao về con nuôi
 - 4.1.2. Cần qui định cụ thể các giấy tờ trong hồ sơ đối với trẻ đủ điều kiện làm con nuôi người nước ngoài
 - 4.1.3. Xem xét về độ tuổi và điều kiện của người được nhận làm con nuôi
 - 4.1.4. Tăng cường việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ tại nước nhận
 - 4.1.5. Tận dụng các nguồn lực trong nước cũng như của các tổ chức quốc tế để thực hiện mục đích nhân đạo cho trẻ em
 - 4.1.6. Xem xét về khả năng hòa nhập giữa trẻ và cha mẹ nuôi tương lai người nước ngoài
- ### **4.2. Các cơ chế hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam**
- 4.2.1. Hoàn thiện qui trình về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trong xu hướng hội nhập quốc tế
 - 4.2.2. Minh bạch hoá cơ chế về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
 - 4.2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
 - 4.2.4. Tăng cường công tác phổ biến kiến thức pháp luật, giáo dục cho cộng đồng về vấn đề nhân đạo này
 - 4.2.5. Tăng cường công tác quản lý theo một đầu mối tại Bộ Tư pháp
 - 4.2.6. Áp dụng công nghệ thông tin để giảm tải trong công tác quản lý
 - 4.2.7. Học hỏi kinh nghiệm của các nước về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Kết luận

Vấn đề con nuôi nói chung, trẻ em Việt Nam được người nước ngoài nhận nuôi nói riêng đang là vấn đề được các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm. Quan hệ nuôi con nuôi thể tinh thần nhân đạo sâu sắc bởi nó tạo ra quan hệ cha mẹ, con cái, tạo ra thứ tình cảm thiêng liêng gắn bó giữa những người phần lớn không có quan hệ huyết thống (trừ một số trường hợp đặc biệt), không quen biết trước đó. Tinh thần đó cần được xã hội trân trọng và khuyến khích. Việc trẻ được nhận làm con nuôi sẽ làm thay đổi hoàn toàn cuộc đời của trẻ, giảm gánh nặng cho xã hội. Chúng ta không thể nói hết được ý nghĩa của quan hệ mang tính nhân đạo này.

Việc tìm kiếm cho trẻ một gia đình trong nước là lựa chọn đầu tiên, tuy nhiên việc tìm cho trẻ gia đình trong nước cũng không phải dễ dàng vì vậy việc tìm kiếm cha mẹ nuôi người nước ngoài cho trẻ là giải pháp để giải quyết các vấn đề về trẻ em nói trên.

Việt Nam đã ban hành Luật nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành tạo nền tảng pháp lý cho quan hệ nuôi con nuôi nói chung và quan hệ nuôi con nuôi quốc tế nói riêng. Cũng như Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Lahay 1993. Việc tìm hiểu về pháp luật nuôi con nuôi quốc tế của Trung Quốc, Ấn Độ, Guatemala và Nepal để tìm ra sự giống nhau và khác nhau giữa các nước đối với cùng một quan hệ. Việc tìm hiểu pháp luật của các nước này giúp chúng ta có cái nhìn đa chiều và tìm ra những điểm cần hoàn thiện về pháp luật đối với quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam.

Mặc dù mỗi quốc gia có một đặc điểm lịch sử, xã hội, kinh tế khác nhau nhưng nhìn trên góc độ tổng thể thì cả Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Guatemala và Nepal đều là các quốc gia đang trong giai đoạn phát triển. Sự phát triển không đồng bộ giữa các vùng miền, khoảng cách giàu nghèo ngày càng xa dẫn đến xã hội sẽ có những vấn đề tồn tại. Số lượng trẻ mồ côi và trẻ có nhu cầu đặc biệt tăng lên trong đó phúc lợi xã hội không đảm bảo được đã tạo ra gánh nặng cho gia đình và xã hội. Pháp luật của mỗi nước cũng có những qui định khác nhau về quan hệ con nuôi quốc tế, mặc dù mục tiêu cuối cùng cũng là tìm cho trẻ một gia đình phù hợp trong đó phải có các biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích cho trẻ. Việc so sánh pháp luật của các nước cũng cho ta lời giải tại sao lại có sự khác nhau của pháp luật đối với cùng quan hệ nuôi con nuôi quốc tế trong mỗi quốc gia.

Việc nghiên cứu, so sánh pháp luật về nuôi con nuôi quốc tế cũng đã có một số tác giả đề cập đến, với luận văn này tôi cũng mong muốn góp một phần nhỏ bé vào việc nghiên cứu pháp luật nuôi con nuôi nói chung, pháp luật nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nói riêng.